

Phụ lục II
MẪU VĂN BẢN, BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG
XÚC TIẾN ĐẦU TƯ

*(Kèm theo Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

1. Mẫu văn bản áp dụng đối với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

Mẫu II.1.1

Văn bản đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm
(Điểm b khoản 2 Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v đề xuất thực hiện chương
trình xúc tiến đầu tư quốc gia
năm

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ quy định tại Điều 49 Luật Đầu tư, Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư; và hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số ngày, (Tên cơ quan chủ trì) xin báo cáo và đề xuất một số nội dung sau:

(Trong văn bản phải đề cập các nội dung: đánh giá sơ bộ kết quả hoạt động xúc tiến đầu tư năm trước; điều kiện, xu thế và bối cảnh gắn với tiềm năng của vùng, lãnh thổ; sự cần thiết, tác động, ý nghĩa của các hoạt động đối với liên kết vùng. Từ đó, nêu những lĩnh vực, đối tác cần hướng tới...)

Do đó, cần phải thực hiện các hoạt động đề xuất hướng tới
(đạt mục tiêu, kết hợp ngân sách kèm xã hội hóa...).

..... (Tên cơ quan chủ trì) đề nghị Bộ Tài chính đưa (số lượng) hoạt động xúc tiến đầu tư vào chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm với tổng kinh phí đề xuất là triệu đồng, trong đó: triệu đồng từ nguồn kinh phí của Chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

..... (Tên cơ quan chủ trì) xin gửi kèm theo các tài liệu:

1. Biểu tổng hợp đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia;

¹ Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

2. Đề án của từng hoạt động xúc tiến đầu tư;

3. Bảng dự toán kinh phí của từng hoạt động xúc tiến đầu tư đề xuất.

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp các hoạt động nêu trên vào chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu II.1.2

Biểu tổng hợp đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia hàng năm

(Áp dụng cho hồ sơ đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia quy định tại điểm b khoản 2 Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ¹

....., ngày tháng năm

BIỂU TỔNG HỢP ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ QUỐC GIA NĂM

(Kèm theo đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia tại công văn số ngày của)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên hoạt động xúc tiến đầu tư	Loại hoạt động ²	Thời gian tổ chức	Đơn vị chủ trì thực hiện ³	Địa điểm tổ chức		Địa bàn/ tỉnh/ vùng kêu gọi đầu tư	Đơn vị phối hợp	Kinh phí			Tổng kinh phí
					Trong nước	Nước ngoài			Chương trình xúc tiến đầu tư Quốc gia	Ngân sách của Bộ/địa phương	Khác (xã hội hóa)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)+(11)+(12)
	Tổng số											

Lưu ý: đối với trường hợp điều chỉnh/bổ sung, đánh dấu (*) ở cột số (1) đối với các hoạt động đã điều chỉnh; dấu (**) đối với các hoạt động bổ sung; và gạch ngang toàn bộ dòng đối với các hoạt động đề nghị hủy bỏ (gạch ngang).

Người lập biểu

(Ghi rõ họ tên, đơn vị, ký, điện thoại, email)

¹ Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

² Nội dung hoạt động quy định tại Điều 81 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

³ Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư nêu tại Cột (2)

Mẫu II.1.3

Đề án hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia
(Áp dụng cho hồ sơ đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia quy định tại điểm b khoản 2 Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ¹ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN

(Tên hoạt động xúc tiến đầu tư)

(Loại hoạt động)²:

Kính gửi: *(Tên cơ quan chủ trì)*

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ hướng dẫn xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư của Bộ Tài chính tại công văn số ngày tháng năm

.....

1. Sự cần thiết

- Phù hợp với định hướng thu hút đầu tư, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh của vùng, lãnh thổ;

- Phù hợp với xu hướng và nhu cầu của nhóm đối tác, nhà đầu tư dự kiến xúc tiến đầu tư.

2. Nội dung hoạt động

- Thời gian thực hiện;

- Địa điểm (trong nước/nước ngoài);

- Đối tượng dự kiến tham gia;

- Quy mô hoạt động;

- Ngành/Lĩnh vực/Địa bàn (tỉnh/vùng/quốc gia) kêu gọi đầu tư;

- Các nội dung chi tiết khác

¹ Đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư (Cột 5 Mẫu II.1.2)

² Điền tên hoạt động dự kiến triển khai quy định tại Điều 81 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư. Có thể gộp các hoạt động vào cùng một Đề án, nhưng phải đảm bảo từng hoạt động đáp ứng đủ các nội dung nêu trong mẫu Đề án này.

3. Phương thức triển khai

- Phương thức tổ chức³:
- Đơn vị phối hợp:
- + Tổ chức, cơ quan trong nước;
- + Tổ chức, cơ quan nước ngoài;
- + Doanh nghiệp trong nước, nước ngoài.

4. Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện

STT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
1					
...					

5. Kinh phí:

Tổng kinh phí (1)⁴: triệu đồng, trong đó:

- Phần sử dụng kinh phí từ chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia (2): triệu đồng
- Ngân sách của Bộ, địa phương (3): triệu đồng
- Nguồn khác (xã hội hóa) (4): triệu đồng

6. Dự toán kinh phí từ chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia⁵ (gửi kèm theo)

7. Đánh giá đóng góp của hoạt động xúc tiến đầu tư

..... (Dự kiến những đóng góp của hoạt động xúc tiến đầu tư đối với phát triển kinh tế - xã hội của Bộ, ngành, địa phương, vùng)

Sau khi triển khai hoạt động xúc tiến đầu tư, (Tên đơn vị chủ trì) sẽ có báo cáo kết quả gửi (Tên cơ quan chủ trì) để tổng hợp gửi Bộ Tài chính theo quy định tại Điều 93 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Nơi nhận:

-

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

(Lưu ý: Đối với trường hợp điều chỉnh, đề nghị tạo bảng cho tất cả các nội dung và chia 2 cột thể hiện trước và sau điều chỉnh. Đối với trường hợp bổ sung theo ý kiến của Bộ Tài chính như quy định tại điểm c khoản 2 Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP, đề nghị tạo bảng cho tất cả các nội dung bổ sung, chia 2 cột thể hiện trước và sau điều chỉnh, và để trống cột trước).

³ Theo quy định tại Điều 82 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

⁴ Tổng dự toán kinh phí (1) = (2) + (3) + (4).

⁵ Dự toán xây dựng theo mẫu II.1.4.

Mẫu II.1.4**Bảng dự toán kinh phí của hoạt động xúc tiến đầu tư đề xuất thuộc
chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia***(Áp dụng cho hồ sơ đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia quy định
tại điểm b khoản 2 Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)***TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**

....., ngày tháng năm

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ TỪ CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ QUỐC GIA*(Tên hoạt động xúc tiến đầu tư)**(Kèm theo Đề án số ngày của)**Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)*(4)	(6)
I.						
1						
II.						
1						
2						
	Tổng số					
Bảng chữ:						

Lưu ý: Đối với trường hợp điều chỉnh, đề nghị tạo hai cột thể hiện trước và sau điều chỉnh đối với các nội dung có thay đổi. Đối với trường hợp bổ sung, đề nghị thể hiện nội dung bổ sung từ cột (1) đến (5) và ghi chú là "bổ sung" vào cột (6). Đối với trường hợp hủy bỏ, đề nghị gạch ngang toàn bộ (gạch ngang).

Người lập bảng*(Ghi rõ họ tên, đơn vị, ký, điện thoại, email)*

Mẫu II.1.5

Văn bản điều chỉnh chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia

(Áp dụng đối với trường hợp điều chỉnh hoạt động xúc tiến đầu tư thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia quy định tại điểm d khoản 2 và điểm a khoản 3

Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ¹

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

V/v điều chỉnh chương trình
xúc tiến đầu tư quốc gia năm

.....

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số ngày về yêu cầu điều chỉnh, bổ sung đối với đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm², (Tên cơ quan chủ trì) gửi Bộ Tài chính các nội dung điều chỉnh/bổ sung như sau:

(Trong văn bản phải nêu được các nội dung sau: nội dung điều chỉnh; lý do, căn cứ điều chỉnh; tính phù hợp của việc điều chỉnh...)

Phụ lục gửi kèm:

(i) Biểu tổng hợp đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia sau điều chỉnh/bổ sung (áp dụng mẫu II.1.2);

(ii) Đề án của hoạt động xúc tiến đầu tư điều chỉnh/bổ sung (áp dụng mẫu II.1.3);

(iii) Bảng dự toán kinh phí cho hoạt động xúc tiến đầu tư điều chỉnh/bổ sung (áp dụng mẫu II.1.4).

Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp, bổ sung, điều chỉnh đề xuất thực hiện chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia năm/.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

¹ Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố

² Trường hợp Chương trình Xúc tiến đầu tư quốc gia đã được phê duyệt thì bổ sung thêm căn cứ là Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Mẫu II.1.6

**Hợp đồng giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động xúc tiến đầu tư
thuộc chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia**

(Điểm g, khoản 2, Điều 85 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**HỢP ĐỒNG GIAO NHIỆM VỤ THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN ĐẦU TƯ
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÚC TIẾN ĐẦU TƯ QUỐC GIA¹**

Hợp đồng số:

Tên hoạt động:

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 96/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 55/2026/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số ngày của Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt Chương trình Xúc tiến đầu tư quốc gia năm

Căn cứ Đề án số ngày của

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số ngày của (nếu có)

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao (Bên A):

- Do Ông/Bà:

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

¹ Mẫu biểu bao gồm những thông tin cơ bản, các bên có thể thỏa thuận thêm các nội dung khác tùy thuộc vào bối cảnh, nhiệm vụ cụ thể nhưng phải đảm bảo các nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tài khoản số tại

2. Bên nhận (Bên B):

- Do Ông/Bà:

- Chức vụ: làm đại diện.

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Email:

- Tài khoản số tại

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện nhiệm vụ

Bên A giao và Bên B nhận Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Hợp đồng), chi tiết nhiệm vụ tại Đề án số ngày (kèm theo).

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện Hợp đồng là tháng, từ tháng năm đến tháng năm

Điều 3. Giá trị hợp đồng

Tổng kinh phí:

Bằng chữ:

(đính kèm Quyết định phê duyệt dự toán chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc Bảng dự toán kinh phí chi tiết đã được bộ phận kế toán của đơn vị rà soát và xác nhận)

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết, phối hợp, hướng dẫn Bên B trong quá trình triển khai thực hiện Hợp đồng;

b) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng.

c) Kiểm tra, giám sát, đôn đốc tình hình Bên B thực hiện Hợp đồng;

..... (Quyền và nghĩa vụ khác do 2 Bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật)

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao đảm bảo chất lượng và tiến độ thực hiện theo Đề án;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao báo cáo và/hoặc sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các nội dung đã đề xuất và được phê duyệt;

c) Được quyền tự quyết định và chịu trách nhiệm việc sử dụng phần kinh phí được giao để thực hiện nhiệm vụ;

d) Tổ chức đấu thầu theo quy định hiện hành để lựa chọn các đơn vị có năng lực, chuyên môn, ký hợp đồng trực tiếp cung cấp dịch vụ (nếu có);

e) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

g) Tiếp nhận, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;
 h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

i) Xây dựng báo cáo kết quả thực hiện và gửi cho Bên A để tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

..... (Quyền và nghĩa vụ khác do 2 bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật)

Điều 5. Nghiệm thu, thanh quyết toán

(Điều khoản này bao gồm các nội dung về hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán, thời hạn nộp, tiến độ thanh toán...; Các bên có thể bổ sung nội dung thỏa thuận khác liên quan đến nghiệm thu, thanh quyết toán phù hợp với quy định của pháp luật).

Điều 6. Lưu giữ hồ sơ, chứng từ

Toàn bộ tài liệu, chứng từ gốc liên quan đến việc thực hiện các hoạt động của Hợp đồng này do bên B bảo quản, lưu giữ theo các quy định hiện hành.

Toàn bộ hồ sơ chứng từ gửi về Bên A là bản photocopy có đóng dấu sao y bản chính của đơn vị chủ trì.

Điều 7. Điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng

(Các bên thỏa thuận về các trường hợp điều chỉnh, chấm dứt hợp đồng căn cứ theo tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành).

Điều 8. Trường hợp bất khả kháng

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh sự kiện bất khả kháng theo quy định của pháp luật làm cho một hoặc hai bên không thể thực hiện được một phần hay toàn bộ nghĩa vụ được quy định tại hợp đồng này, thì Bên bị ảnh hưởng có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Bên kia bằng văn bản, đồng thời tổ chức lập Biên bản đánh giá thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra để làm cơ sở xem xét giải quyết.

Điều 9. Điều khoản thực hiện

(Các bên thỏa thuận về các điều khoản thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật hiện hành).

Điều 10: Hiệu lực hợp đồng.

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng theo luật định.
3. Hợp đồng được lập thành 06 bộ, Bên A giữ 04 bộ, Bên B giữ 02 bộ, các bộ Hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau./.

BÊN A
(Bên giao)

((Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu)

BÊN B
(Bên nhận)

((Chữ ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu)